

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ công tác quản lý tài sản công
trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu (đợt 4)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, ngày 24/6/2022 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ các Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 279/TTr-SNN ngày 22/6/2024; Công văn số 1864/STC-QLGCS ngày 31/5/2024 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ công tác quản lý tài sản 07 công trình nước cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu, do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện làm chủ đầu tư với nội dung sau:

1. Cơ quan đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ công tác quản lý tài sản công trình: gồm 05 cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện Mộc Châu có tên và số lượng tài sản công trình sau:

- UBND xã Phiêng Luông: 01 công trình.
- UBND xã Chiềng Sơn: 02 công trình.
- UBND xã Tân Lập: 01 công trình.
- UBND xã Nà Mường: 02 công trình.
- UBND xã Tân Hợp: 01 công trình.

2. Hình thức giao tài sản: Giao tài sản kết cấu hạ tầng công trình cấp nước tập trung nông thôn cho UBND các xã quản lý tài sản; việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng mỗi công trình được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện việc ghi sổ kế toán.

3. Danh mục, thông tin về tài sản giao: Danh mục tài sản là các công trình cấp nước tập trung nông thôn đã được đầu tư, không hoạt động; thông tin về địa chỉ, loại hình công trình năm đưa vào sử dụng, diện tích, công suất, số hộ sử dụng và nguyên giá chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định.

4. Giá trị tài sản: Tổng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng 07 công trình cấp nước tập trung nông thôn giao: Tổng nguyên giá tài sản: **9.452,02** triệu đồng; Tổng giá trị tài sản giao: **2.108,99** triệu đồng.

5. Thời gian tính hao mòn tài sản công trình là 15 năm kể từ khi tài sản công trình cấp nước tập trung đưa vào sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản 6,67%/năm.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình UBND tỉnh giao tài sản, vận hành khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu cho các cơ quan đơn vị quản lý, khai thác vận hành.

2. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cập nhật dữ liệu các công trình trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; hướng dẫn cơ quan, đơn vị được giao tài sản thực hiện các nghĩa vụ và quy định hiện hành về tài chính có liên quan.

3. UBND huyện Mộc Châu: Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã được giao tiếp nhận quản lý tài sản công trình; tổng hợp báo cáo theo quy định; tổ chức rà soát, đánh và xử lý tài sản theo thẩm quyền tại Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La và các quy định hiện hành.

4. UBND các xã tiếp nhận tài sản: Quản lý tài sản giao, đề xuất, lập hồ sơ theo quy định Điều 20 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP, ngày 24/6/2022 của Chính phủ và quy định hiện hành về quản lý tài sản công.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Chủ tịch UBND các xã có tên tại Điều 1 Quyết định này; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh(b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 05b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

**PHỤ LỤC: DANH MỤC VÀ THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN TRÊN
ĐỊA BÀN HUYỆN MỘC CHÂU, GIAO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên công trình/tài sản	Địa điểm xây dựng	Loại hình công trình	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích xây dựng (m ²)	Công suất cấp nước (m ³ /ngày đêm)	Số hộ cấp nước		Nguyên giá (Triệu đồng)	Giá trị tài sản; tính đến ngày 31/12/2023 (Triệu đồng)	Cơ quan/ đơn vị tiếp nhận tài sản	Ghi chú
							Thiết kế	Thực tế				
Tổng cộng						220	550		9.452,02	2.108,99	05 cơ quan	
1	Nước sinh hoạt bản Phiêng Tiến, xã Phiêng Luông	Bản Tiến Phong, xã Phiêng Luông	Tự chảy	2018	500	24	59	0	1.544,40	1.029,34	UBND xã Phiêng Luông	Công trình không hoạt động
2	Nước sinh hoạt điểm tái định cư Pu Pau	Bản Lả Mường, xã Chiềng Sơn	Tự chảy	2009	1.446	81	202	0	3.512,61	232,53	UBND xã Chiềng Sơn	“
3	Nước sinh hoạt các bản (tự chảy) xã Chiềng Sơn (tiểu khu 10)	Bản Hương Sơn, xã Chiềng Sơn	Tự chảy	2013	900	16	40	0	1.058,33	352,42	UBND xã Chiềng Sơn	“
4	Nước sinh hoạt bản Phiêng Đón, xã Tân Lập	Bản Phiêng Đón, xã Tân Lập	Tự chảy	2011	1.140	36	91	0	1.578,43	315,05	UBND xã Tân Lập	“
5	Nước sinh hoạt bản Sầm Nặm, xã Nà Mường	Bản Sầm Nặm, xã Nà Mường	Tự chảy	2010	953	26	64	0	710,97	94,49	UBND xã Nà Mường	“
6	Nước sinh hoạt bản Sỳ Lý, xã Nà Mường	Bản Sỳ Lý, xã Nà Mường	Tự chảy	2010	873	24	60	0	640,69	85,15	UBND xã Nà Mường	“
7	Công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mú, xã Tân Hợp	Bản Lũng Mú, xã Tân Hợp	Tự chảy	2007	951	14	34	0	406,60	0	UBND xã Tân Hợp	“